

Bản án số: 54/2018/HS-PT
Ngày 11-6-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Văn Triển.

Các Thẩm phán:

+ Ông Nguyễn Quốc Tuấn;

+ Bà Nguyễn Thị Thúy Phương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Phương Yên, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Lạc - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 54/2018/TLPT-HS ngày 02 tháng 5 năm 2018 đối với bị cáo Thái Văn Đ do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án Hình sự sơ thẩm số: 08/2018/HS-ST ngày 13 tháng 3 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện G3.

- Bị cáo kháng cáo: Thái Văn Đ, sinh năm 1983, tại tỉnh Hà Tĩnh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm Đ1, xã Đ2, huyện Đ3, tỉnh Hà Tĩnh; nơi cư trú: Khu phố D, phường D1, thị xã D2, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Tài xế; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Thái Văn H, sinh năm 1960 và bà Phạm Thị B, sinh năm 1961; có vợ tên Võ Thị M, sinh năm 1986 và 02 con sinh năm 2010, 2016; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự lần nào và chưa bị xử lý vi phạm hành chính lần nào; bị cáo tại ngoại; có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Anh Nguyễn Văn G, sinh năm 1992; nơi cư trú: Ấp G1, xã G2, huyện G3, tỉnh Tây Ninh (đã chết).

- Người đại diện hợp pháp của bị hại: Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1970; ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1968. Cùng nơi cư trú: Ấp G1, xã G2, huyện G3, tỉnh Tây Ninh; Tòa án không triệu tập.

- Bị đơn dân sự: Công ty Trách nhiệm hữu hạn giao nhận kho vận T; địa chỉ trụ sở: Số T1, khu phố T2, phường T3, thị xã T4, tỉnh Bình Dương.

- *Đại diện hợp pháp của bị đơn dân sự:* Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1979; địa chỉ: Số T1, khu phố T2, phường T3, thị xã T4, tỉnh Bình Dương; Tòa án không triệu tập.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Tòa án không triệu tập

+ Anh Nguyễn Văn I, sinh năm 1989; nơi cư trú: Ấp A1, xã A2, huyện G3, tỉnh Tây Ninh;

+ Anh Nguyễn Văn A, sinh năm 1990; nơi cư trú: Ấp G1, xã G2, huyện G3, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 18 giờ 15 phút ngày 10-11-2017, Thái Văn Điều khiển xe ô-tô, biển số 61C-233.60, kéo theo sơ-mi-rơ-moóc, biển số 51R-124.41, lưu thông trên Quốc lộ 22, hướng từ huyện B về huyện G3, tỉnh Tây Ninh. Khi đến giao lộ đường tránh Xuyên Á thuộc ấp E1, xã E2, huyện G3, tỉnh Tây Ninh thì Đ cho xe rẽ trái để chuyển hướng vào đường tránh nhưng thiếu quan sát nên phần bên phải đầu xe ô-tô, biển số 61C-233.60 đụng vào xe mô-tô, biển số 70F1-165.93, do anh Nguyễn Văn G điều khiển chở anh Nguyễn Văn I ngồi phía sau lưu thông theo hướng ngược lại đúng quy định, làm anh G và anh I cùng bị ngã xuống đường, anh G bị thương tích nặng được đưa đến Trung tâm y tế huyện G3 cấp cứu thì tử vong; anh I bị thương tích được đưa đến Bệnh viện Đa khoa huyện R điều trị, đến ngày 17-11-2017 xuất viện.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về tử thi số: 191/2017/TT ngày 21-11-2017 của Trung tâm Pháp y tỉnh Tây Ninh kết luận: “*Anh Nguyễn Văn G bị chấn thương sọ não kín, gây xuất huyết não, chấn thương ngực kín gây vỡ tim, tràn máu màng tim, chấn thương bụng kín vỡ gan xuất huyết trong ổ bụng dẫn đến tử vong.*”

Quá trình điều tra, đại diện hợp pháp của người bị hại là Bà Nguyễn Thị K yêu cầu bồi thường tổng số tiền là 80.000.000 đồng; bị cáo Đ và đại diện Công ty Trách nhiệm hữu hạn giao nhận kho vận T đã bồi thường xong. Bà K không yêu cầu bồi thường gì thêm và có đơn bãi nại cho Đ. Ngoài ra, bị cáo đã bồi thường tiền sửa chữa xe mô-tô biển số 70F1-165.93 cho anh Nguyễn Văn A số tiền 10.000.000 đồng, anh A không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Đối với anh Nguyễn Văn I chỉ bị thương tích nhẹ, anh I từ chối giám định thương tật và đã nhận của Đ số tiền bồi thường để điều trị vết thương là 7.700.000 đồng, anh I không yêu cầu gì thêm.

Tại Bản án Hình sự sơ thẩm số: 08/2018/HS-ST ngày 13 tháng 3 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Thái Văn Đ phạm tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ”.

Áp dụng khoản 1 Điều 202; điểm b, p khoản 1, 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Xử phạt bị cáo Thái Văn Đ 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù Inh từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí, quyền kháng cáo.

Ngày 20 tháng 3 năm 2018, bị cáo Thái Văn Đ có đơn kháng cáo, nội dung xin được giảm nhẹ hình phạt với lý do: Tòa án cấp sơ thẩm xử bị cáo 09 tháng tù là nặng, không xem xét hết các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, không xem xét các điều kiện hưởng án treo theo quy định tại khoản 1 Điều 60 của Bộ luật Hình sự năm 1999; khoản 1, 2 Điều 2 của Nghị quyết số: 01/2013/NQ-HĐTP ngày 06-11-2013 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Tại phiên tòa, bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo;

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh đề nghị: Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo; sửa bản án sơ thẩm theo hướng cho bị cáo Thái Văn Đ được hưởng án treo.

Bị cáo không tranh luận.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Xin được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

1.1. Xét các hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng và cơ quan tiến hành tố tụng của cấp sơ thẩm đều hợp pháp. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Đ xác định trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử vụ án tại cấp sơ thẩm không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng và cơ quan tiến hành tố tụng của cấp sơ thẩm.

1.2. Đối với anh Nguyễn Văn I, tai nạn xảy ra anh chỉ bị thương nhẹ và từ chối đi giám định thương tích nên không đủ cơ sở kết luận bị cáo đã gây thiệt hại nghiêm trọng cho sức khỏe của anh theo quy định tại khoản 1 Điều 202 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Do đó, đối chiếu khoản 1 Điều 65 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Tòa án cấp phúc thẩm xác định lại tư cách tham gia tố tụng là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án cho chính xác.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Vào khoảng 18 giờ 15 phút ngày 10-11-2017, Thái Văn Đ điều khiển xe ô-tô, biển số 61C-233.60, kéo theo sơ-mi-rơ-moóc, biển số 51R-124.41, lưu thông trên Quốc lộ 22. Khi đến giao lộ đường tránh Xuyên Á thì Đ cho xe rẽ trái để chuyển hướng vào đường tránh nhưng không bảo đảm rằng sẽ không gây trở ngại hoặc nguy hiểm cho người và phương tiện khác cho nên phần bên phải đầu xe ô-tô, biển số 61C-233.60, đụng vào xe mô-tô, biển số 70F1-165.93, do anh Nguyễn Văn G điều khiển chở anh Nguyễn Văn I ngồi phía sau lưu thông theo hướng ngược lại đúng quy định. Hậu quả làm anh G tử vong do chấn thương và gây thương Ich cho anh I.

[3] Bản án Hình sự sơ thẩm số: 08/2018/HS-ST ngày 13 tháng 3 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng xét xử bị cáo Thái Văn Đ về tội “Vi

phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ”, theo khoản 1 Điều 202 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009) là có căn cứ, không oan.

[4] Vụ án mang tính chất nghiêm trọng. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, do bị cáo cho xe ô-tô kéo theo sơ-mi-rơ-móc chuyển hướng nhưng không bảo đảm rằng sẽ không gây trở ngại hoặc nguy hiểm cho người và phương tiện khác đã vi phạm vào khoản 2 Điều 15 của Luật Giao thông đường bộ; lỗi hoàn toàn thuộc về bị cáo; hậu quả xảy ra làm chết một người và bị thương một người; hành vi này đã xâm phạm đến trật tự, an toàn công cộng; gây mất mát, đau thương cho gia đình nạn nhân.

[5] Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo như: Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả; chưa có tiền án, tiền sự; hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn và đã xử phạt bị cáo 09 tháng tù là tương xứng với tính chất và mức độ hành vi phạm tội của bị cáo gây ra; phù hợp với quy định tại điểm b, p khoản 1, 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009).

[6] Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét các điều kiện cho người bị xử phạt hưởng án treo theo quy định tại khoản 1 Điều 2 của Nghị quyết số: 01/2013/NQ-HĐTP ngày 06-11-2013 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 60 của Bộ luật Hình sự năm 1999 về án treo.

[7] Xét yêu cầu kháng cáo của bị cáo Thái Văn Đ, Hội đồng xét xử thấy rằng:

7.1. Bị cáo phạm tội nghiêm trọng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ; không có tình tiết tăng nặng; có nơi cư trú rõ ràng. Trong giai đoạn xét xử phúc thẩm, bị cáo có xuất trình thêm giấy xác nhận đề ngày 15-3-2018 (có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Đ2, huyện Đ3, tỉnh Hà Tĩnh nội dung thể hiện bị cáo có ông nội tên Thái Văn L là người có công với cách mạng, được tặng huân chương kháng chiến chống Pháp, Mỹ; cha tên Thái Văn H là bộ đội tham gia kháng chiến có Bằng khen của bộ đội tư lệnh quân bưu.

7.2. Mặt khác, ngày 21-11-2017 người đại diện hợp pháp của bị hại Nguyễn Văn G là Bà Nguyễn Thị K có đơn xin bãi nại yêu cầu không truy tố đối với bị cáo Đ; ngày 09-12-2017, anh I cũng có đơn yêu cầu không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Đ. Đồng thời, trong giai đoạn xét xử phúc thẩm người đại diện hợp pháp của bị hại Nguyễn Văn G là ông Nguyễn Văn H, Bà Nguyễn Thị K tiếp tục gửi đơn xin bãi nại (đề ngày 14-5-2018), yêu cầu không xử phạt tù đối với bị cáo Đ.

7.3. Tại khoản 3 Điều 29 của BLHS năm 2015 quy định: “Người thực hiện tội phạm ít nghiêm trọng hoặc tội phạm nghiêm trọng do vô ý gây thiệt hại về tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm hoặc tài sản của người khác và được người bị hại hoặc người đại diện của người bị hại tự nguyện hòa giải và đề nghị miễn trách nhiệm hình sự, thì có thể được miễn trách nhiệm hình sự”. Quy định này có lợi cho người phạm tội, cần được xem xét khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

7.4. Hơn nữa, tại khoản 1 Điều 2 của Nghị quyết số: 01/2013/NQ-HĐTP ngày 06-11-2013 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định việc xem xét cho người bị kết án phạt tù được hưởng án treo:

“1. Chỉ xem xét cho người bị xử phạt tù hưởng án treo khi có đủ các điều kiện sau đây:

a) Bị xử phạt tù không quá 3 năm về tội ít nghiêm trọng, tội nghiêm trọng, tội rất nghiêm trọng theo phân loại tội phạm quy định tại khoản 3 Điều 8 của Bộ luật hình sự;

b) Có nhân thân tốt được chứng minh là ngoài lần phạm tội này họ luôn tôn trọng các quy tắc xã hội, chấp hành đúng chính sách, pháp luật, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của công dân nơi cư trú, công tác; không vi phạm các điều mà pháp luật cấm; chưa bao giờ bị kết án, bị xử lý vi phạm hành chính, bị xử lý kỷ luật.

...

c) Có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng;

d) Không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự và có từ hai tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự trở lên trong đó có ít nhất một tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự;

.....

đ) Có khả năng tự cải tạo và nếu không bắt họ đi chấp hành hình phạt tù thì không gây ảnh hưởng xấu đến cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm, đặc biệt là các tội phạm về tham nhũng.”

[8] Đối chiếu với quy định nêu trên, xét thấy bị cáo Thái Văn Đ có đủ các điều kiện để được hưởng án treo theo các điểm a, b, c, d, đ; và bị cáo không có tình tiết thuộc các trường hợp không cho hưởng án treo theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số: 01/2013/NQ-HĐTP ngày 06-11-2013 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng Điều 60 của BLHS năm 1999 (Điều 65 của BLHS năm 2015) về án treo.

[9] Do đó, có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo Thái Văn Đ xin được hưởng án treo; chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên; sửa bản án sơ thẩm.

[10] Về án phí: Theo quy định tại điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, do kháng cáo của bị cáo được chấp nhận, cho nên bị cáo Thái Văn Đ không phải chịu tiền án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355; 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự.
2. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo Thái Văn Đ.

3. Sửa Bản án Hình sự sơ thẩm số: 08/2017/HS-ST ngày 13 tháng 3 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng.

4. Căn cứ khoản 1 Điều 202; điểm b, p khoản 1, 2 Điều 46; Điều 60 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009).

5. Xử phạt bị cáo Thái Văn Đ 09 (chín) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 tháng được tính từ ngày tuyên án phúc thẩm (11-6-2018), về tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ”.

6. Giao bị cáo Thái Văn Đ về Ủy ban nhân dân phường D1, thị xã D2, tỉnh Bình Dương giám sát, G dục trong thời gian thử thách.

7. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

8. Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Thái Văn Đ không phải chịu.

9. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

10. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT 1 (TANDTC);
- VKSND. TTN;
- TAND. huyện G3;
- Công an huyện G3 ;
- Chi cục THADSH. G3 ;
- Phòng lý lịch STP. TTN;
- Phòng KTNV. TATTN;
- UBND phường Dĩ An;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án HSPT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Mai Văn Triển

